TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2023/DS-PT
Ngày: 22 – 6 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Đinh Huy Lưỡng và bà Trần Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị M sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà 06, ngõ 333, đường H, phố V, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Hoàng Trung K sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà 64, đường T, phố Ph, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/10/2020).

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1965;
- Bà Lê Thị C sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: xóm B, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trương Đình T – Luật sư Công ty Luật T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Công ty

Luật T, số 46, đường Đ, phố M, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1956; địa chỉ: xóm B, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1960; địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Bà Nguyễn Thị Th2 sinh năm 1965; địa chỉ: xóm B, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bà Th1, bà Th2: bà Nguyễn Thị M sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà 06, ngõ 333, đường H, phố V, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/9/2020).

- Bà Nguyễn Thị D sinh năm 1969; địa chỉ: xóm T, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị D1 sinh năm 1970; địa chỉ: xóm T, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban nhân dân huyện Y; địa chỉ: thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Y: ông Lại Đức Q – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2023).

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị C là bị đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Hoàng Trung K trình bày:

Bố đẻ bà M là cụ Nguyễn Văn Liễu chết ngày 14/3/2013 và mẹ đẻ là cụ Phạm Thị Tú chết ngày 23/6/2018. Cụ Liễu, cụ Tú có 07 người con là bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Th2, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D1.

Cụ Liễu, cụ Tú chết để lại tài sản là 410m^2 đất (260m^2 đất ở, 150m^2 đất vườn) tại thửa số 188, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại xóm 1B, xã K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số H635453 ngày 10/5/1997 đứng tên cụ Liễu; trên đất có tài sản là 01 nhà ở của bà V và 01 nhà ở 02 tầng, 01 lán tôn của vợ chồng ông Th, bà C.

Cụ Liễu, cụ Tú chết không để lại di chúc. Bản di chúc đề ngày 12/5/2012 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã K do ông Th cung cấp cho Tòa án không phải là di chúc của cụ Liễu và cụ Tú. Bản di chúc không hợp lệ vì thời điểm lập di chúc GCNQSDĐ đang được thế chấp tại Ngân hàng, thể thức văn bản di chúc không đúng, có chữ ký "Tú" nhưng không ghi rõ họ tên, nội dung di chúc chỉ nói đến chỗ ở nhưng không rõ ràng. Sau đó cụ Tú đã có văn bản sửa đổi di chúc, việc chuyển quyền sử dụng đất của cụ Tú sang cho vợ chồng ông Th là trái pháp luật.

Về việc Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh ra Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 cho phép hộ cụ Tú chuyển quyền sử dụng thửa đất số 188 cho hộ ông Th và cấp GCNQSDĐ số BP 382751 ngày 17/10/2013 mang tên ông Th, bà C; việc chuyển nhượng này là không hợp lệ nên bà M đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, yêu cầu hủy GCNQSDĐ ghi tên ông Th, bà C. Ngày 29/11/2018 Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh đã ban hành Quyết định số 1474/QĐ-UBND với nội dung *"Hủy việc cho phép hộ bà Phạm Thị Tú chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Th"*; ngày 26/11/2018 Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh ban hành Quyết định số 1454/QĐ-UBND với nội dung *"Thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 382751 cấp ngày 17/10/2009 ghi tên ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị C"*. Thửa đất số 188 diện tích 410m^2 là tài sản của cụ Liễu và cụ Tú.

Bà M yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Liễu và cụ Tú là 410m^2 đất tại thửa đất số 188 cho 07 người con của hai cụ gồm bà V, bà M, bà Th1, bà Th2, ông Th, bà D, bà D1. Cụ thể: phần đất vợ chồng ông Th đã xây nhà thì chia cho ông Th; phần đất bà V đang sử dụng là 254,7m^2 chia cho bà M, bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1 sử dụng chung và để bà V đại diện đứng tên quyền sử dụng đất; yêu cầu vợ chồng ông Th, bà C phải tháo dỡ 01 lán tôn xây trên đất chia cho 06 chị em.

Tại các bản tự khai, văn bản ghi ý kiến, bị đơn là ông Nguyễn Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C trình bày:

Bố mẹ ông Th là cụ Liễu và cụ Tú sinh được 07 người con là bà V, bà M, bà Th1, bà Th2, ông Th, bà D và bà D1. Cụ Liễu và cụ Tú có tài sản là 01 nhà ở mái bằng trên diện tích đất là 410m^2 tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại xóm 1B, xã K; GCNQSDĐ mang tên cụ Liễu. Sau khi bà M, bà Th1, bà D và bà D1 đi xây dựng gia đình, chỉ còn cụ Liễu, cụ Tú, vợ chồng ông Th, bà C và bà V, bà Th2 ở trên thửa đất. Ngày 12/5/2012 cụ Liễu, cụ Tú có lập di chúc để

lại ngôi nhà 02 tầng (nhà do vợ chồng ông Th xây) và toàn bộ diện tích đất là 410m^2 thừa kế cho vợ chồng ông Th, bà C sử dụng, với điều kiện phải có trách nhiệm đảm bảo chỗ ở cho hai chị gái là bà V và bà Th2 đến khi qua đời. Bản di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã K. Khi viết di chúc cụ Liễu, cụ Tú rất khỏe mạnh, M mẫn, tự nguyện cho vợ chồng ông Th đất; ông Th đang thực hiện đúng và rất tốt di chúc, hai chị đang ở nửa đất. Trong di chúc cụ Liễu, cụ Tú chỉ nói đến việc lo chỗ ở cho bà V và bà Th2, không nói đến người khác, vậy những người đó chỉ được lên thờ cúng, không được hưởng gì ở thửa đất đó và không được ở. Năm 2013 cụ Liễu chết, gia đình muốn sang bìa đỏ cho vợ chồng ông Th, nên cụ Tú đã thay đổi nội dung di chúc phần tài sản của cụ Tú. Ngày 26/9/2013, cụ Tú làm đơn chuyển toàn bộ đất và nhà của cụ Liễu, cụ Tú sang cho vợ chồng ông Th. Hồ sơ thủ tục đã làm đầy đủ, được Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh cho phép chuyển nhượng và vợ chồng ông Th đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Văn Th, Lê Thị C. Năm 2018 cụ Tú chết, chỉ còn bà V và vợ chồng ông Th ở trên thửa đất. Trước khi cụ Tú chết, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy việc chuyển nhượng đất của cụ Tú sang cho vợ chồng ông Th. Trong quá trình Tòa án giải quyết, Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh đã ra quyết định hủy việc cho phép cụ Tú chuyển quyền sử dụng đất sang cho vợ chồng ông Th. Nay bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế 410m^2 đất của cụ Liễu và cụ Tú, quan điểm của ông Th và bà C đề nghị Tòa án xử bác đơn của bà M, bà V, bà Th1, ba Th2, bà D, bà D1 vì đất này cụ Liễu và cụ Tú đã đã lập di chúc cho vợ chồng ông Th và vợ chồng ông Th đang ở ổn định. Ông Th, bà C không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, cũng không yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Liễu và cụ Tú.

Tại bản tự khai, văn bản ghi ý kiến và trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D1 và bà M là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Th2 cùng trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Liễu chết ngày 14/3/2013; cụ Phạm Thị Tú chết ngày 23/6/2018. Cụ Liễu và cụ Tú có 07 người con là bà V, bà M, bà Th1, bà Th2, ông Th, bà D, bà D1. Bố mẹ cụ Liễu, cụ Tú đều đã chết từ rất lâu nên các bà không biết và không nhớ.

Cụ Liễu, cụ Tú chết để lại tài sản là 410m^2 đất (260m^2 đất ở, 150m^2 đất vườn) tại thửa số 188, tờ bản đồ số 13 xã K, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H635453 ngày 10/5/1997 đứng tên cụ Liễu. Cụ Liễu, cụ Tú chết không để lại

di chúc. Bản di chúc đề ngày 12/5/2012 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã K do ông Th cung cấp cho Tòa án không phải là di chúc của cụ Liễu và cụ Tú.

Bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1 cùng đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Liễu và cụ Tú là 410m^2 đất tại thửa đất số 188 cho 07 người con của hai cụ. Phần đất vợ chồng ông Th đã xây nhà thì chia cho ông Th; phần đất bà V đang sử dụng là 254,7m^2 chia cho bà M, bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1 sử dụng chung và để bà V đại diện đứng tên quyền sử dụng đất; yêu cầu vợ chồng ông Th, bà C phải tháo dỡ 01 lán tôn xây trên đất chia cho 06 chị em.

Trong suốt quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Y không có ý kiến bằng văn bản và không có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29/10/2021:

Về đất: thửa số 188, tờ bản đồ số 13 xã K có diện tích là 410m^2 đất (260m^2 đất ở, 150m^2 đất vườn). Theo khung giá do Nhà nước quy định 260m^2 đất ở có giá trị là 1.118.000.000 đồng (4.300.000đ/1m^2), 150m^2 đất vườn có giá trị là 15.750.000 đồng (105.000đ/1m^2), tổng giá trị 1.133.750.000 đồng.

Theo giá thị trường đất ở và đất vườn được tính giá chung là 20.000.000đ/m^2 (20.000.000đ x 410m^2 = 8.200.000.000đ).

Tài sản trên đất: phần đất hộ gia đình ông Th sử dụng có xây nhà mái bằng, công trình phụ, lán tôn; phần đất bà V đang sử dụng có xây dựng nhà cấp 4, công trình phụ và 01 lán tôn do vợ chồng ông Th xây dựng (do vợ chồng ông Th không nhất trí cho xem xét, thẩm định tại chỗ nên Thẩm phán tiến hành xem xét thẩm định trên cơ sở nhìn từ ngoài đường vào, có tham khảo số liệu kích thước của GCNQSDĐ và các tài liệu có liên quan khác…).

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh quyết định:

1. Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 614, khoản 1 Điều 623, điểm b khoản 1 Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M; yêu cầu chia thừa kế của người có quyền, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án là bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị Th2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D1:

Chia cho bà M, bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1 được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Liễu và cụ Phạm Thị Tú sau khi chết để lại và giao cho bà V đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, di sản là 245,7m^2 đất (trong đó đất ở là 162m^2, đất vườn là 92,7m^2), số thửa 188, số tờ bản đồ số 13 bản đồ địa chính xã K; địa chỉ thửa đất xóm 1B, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 635453 ngày 10/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh ghi tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn Liễu; có vị trí, kích thước các chiều: phía Tây giáp đường giao thông rộng 5,20 mét; phía Bắc là hình tay quay gồm có 03 đoạn (5,10 + 4,70 + 26,90) mét; phía Đông giáp thửa 141 rộng 7,70 mét; phía Nam giáp đất còn lại của ông Liễu bà Tú dài 30,10 mét. (*có sơ đồ kèm theo*)

2.2. Chấp nhận yêu cầu của bà M, bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1. Buộc vợ chồng ông Th và bà C phải tháo dỡ "01 nhà lán tôn" và các tài sản khác (nếu có) xây dựng trên phần đất chia thừa kế cho bà M, bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1; để trả lại quyền sử dụng đất cho bà M, bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1.

2.3. Giao cho ông Th tiếp tục quản lý 155,3m^2 đất, số thửa 188, tờ bản đồ số 13 bản đồ địa chính xã K; địa chỉ tại xóm 1B, xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Miễn án phí dân sự sở thẩm cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Th1 về việc được chia di sản thừa kế.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D1 mỗi người phải chịu 37.470.000 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 8.100.000 đồng chi phí tố tụng về việc thẩm định giá tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng phí chi phí tố tụng bà M đã nộp là 8.100.000 đồng, theo biên bản nộp bổ sung chi phí tạm ứng chi phí tố tụng ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh; bà M đã nộp đủ chi phí thẩm định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo; quyền thỏa thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Tại Đơn kháng cáo ngày 26/01/2023 ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh.

Lý do: bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng trái pháp luật về quyền thừa kế và nguyên tắc phân chia di sản thừa kế theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (không xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định không đúng quan hệ pháp luật, không căn cứ vào di chúc của cụ Liễu cụ Tú và văn bản tặng cho tài sản của cụ Tú, không xem xét, thẩm định tại chỗ mà chỉ dựa vào hồ sơ địa chính hiện có, không thực hiện yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát để xác minh, thu thập chứng cứ).

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; công nhận di chúc ngày 12/5/2012 của cụ Liễu, cụ Tú để lại cho vợ chồng ông Th 410m^2 đất tại thửa số 188, tờ bản đồ số 13 là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/02/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định:

1. Kháng nghị Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh theo thủ tục phúc thẩm.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định phần di chúc của cụ Liễu hợp pháp, chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Tú cho các đồng thừa kế.

Lý do: bản án sơ thẩm tuyên phần di chúc của cụ Liễu không hợp pháp là không có căn cứ; bản án sơ thẩm nhận định và quyết định chia thừa kế di sản của cụ Liễu, cụ Tú là 410m^2 đất cho những người thừa kế được hưởng theo pháp luật nhưng bỏ lọt ông Th thuộc hàng thừa kế thứ nhất; không chia cho ông Th được hưởng di sản mà giao cho ông Th quản lý 155,3m^2 đất là giải quyết vụ án không đầy đủ, không triệt để, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Th, bà C. Bà V, bà Th1, bà Th2, bà D, bà D1 không có đơn yêu cầu độc lập nhưng bản án chấp nhận yêu cầu của các đương sự này là không đúng thủ tục yêu cầu độc lập quy định tại Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không nhất trí với toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn và không nhất trí với kháng nghị về phần nhận định phần di chúc của cụ Liễu là hợp pháp.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công nhận phần di chúc của cụ Liễu và việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Tú với vợ chồng

ông Th theo quy định tại Điều 457, Điều 459 Bộ luật dân sự. Nếu không được thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức tôn tạo di sản của ông Th và xem xét đến việc ông Th là con trai trưởng có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình và kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ông Th, bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông Th, bà C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị C đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình ra quyết định kháng nghị trong hạn luật định. Do đó, vụ án được xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Liễu và cụ Tú là quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xã K, huyện Yên Khánh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 26 và các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

Trên cơ sở sự thừa nhận của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H635453 ngày 10/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Khánh cấp cho cụ Nguyễn Văn Liễu, đủ căn cứ xác định thửa đất số 188, tờ bản đồ số 13, diện tích 410m^2 (260m^2 đất ở, 150m^2 đất vườn), địa chỉ tại xã K, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng cụ Liễu, cụ Tú. Trước khi chết, các cụ chưa chuyển quyền sử dụng đất cho ai nên diện tích đất nêu trên là di sản của cụ Liễu và cụ Tú. Các

đương sự đều thừa nhận cụ Liễu, cụ Tú có 07 người con là bà V, bà M, bà Th1, bà Th2, ông Th, bà D, bà D1, đây là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ.

Ngày 12 tháng 5 năm 2012 cụ Liễu và cụ Tú đã lập di chúc chung của vợ chồng để lại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 13, diện tích 410m^2 (260m^2 đất ở, 150m^2 đất vườn) và tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng diện tích 70m^2 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị C; với điều kiện ông Th, bà C có trách nhiệm đảm bảo chỗ ở cho hai chị gái là bà V và bà Th2 cho đến khi qua đời. Bản di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã K. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không thừa nhận bản di chúc và xác định di chúc không hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ trình tự thủ tục chứng thực di chúc mà đã kết luận phần di chúc của cụ Liễu không hợp pháp là chưa có cơ sở vững chắc.

Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu chia di sản của cụ Liễu, cụ Tú là 410m^2 đất cho 07 người con của của hai cụ nhưng bản án sơ thẩm chỉ chia 254,7m^2 (254,7m^2/410m^2) cho 6 người là bà V, bà M, bà Th1, bà Th2, bà D và bà D1, không xem xét đến quyền thừa kế (thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật) của ông Th, bà C mà để lại 155,3m^2 và *giao cho ông Th tiếp tục quản lý, khi nào có yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thành vụ án riêng* là giải quyết không hết yêu cầu khởi kiện, bỏ lọt di sản thừa kế, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M đã xuất trình bổ sung tài liệu chứng cứ là Biên bản họp gia đình ngày 03/12/2014 thể hiện các thành viên trong gia đình gồm cụ Tú và các con là bà V, bà M, bà Th1, bà Th2, ông Th, bà D, bà D1 và bà C đã họp thống nhất phân chia quyền sử dụng đất của cụ Liễu và cụ Tú. Phía nguyên đơn cho rằng cụ Tú và tất cả các con đã họp phân chia đất và cùng ký vào biên bản họp; phía bị đơn xác nhận có cuộc họp gia đình nhưng không có đầy đủ anh chị em, không lập biên bản, chữ ký trong biên bản do nguyên đơn giao nộp không phải là chữa ký của vợ chồng bị đơn. Đây là tài liệu, chứng cứ và tình tiết mới phát sinh chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá nên cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Th, bà C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình, hủy Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-

ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Đối với khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản sẽ được xem xét quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên vợ chồng ông Th, bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại vợ chồng ông Th, bà C số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Lê Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Th, bà C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2021/0005637 ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/6/2023).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND H.Yên Khánh;
- CCTHADS H.Yên Khánh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tử Lượng